

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày 08 - 01 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đức.

Ông Nguyễn Thiện Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 239/2017/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Quốc T (tên gọi khác: K), sinh năm 1975 tại Thái Bình; nơi cư trú: Số nhà 08, Ngõ 268, đường L, Tổ 60, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1945 và bà Bùi Thị B, sinh năm 1952; chưa có vợ, chưa có con; tiền án: bản án số 99/2016/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 03 tháng 08 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 3 năm 2017, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự; tiền sự: không; nhân thân: ngày 28 tháng 4 năm 1991 Công an thị xã Thái Bình (nay là thành phố Thái Bình) bắt về hành vi “Cướp tài sản của công dân”, qua xác minh không còn lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến vụ việc; năm 1992 bị áp dụng biện pháp đưa vào trường PTCNN do Bộ Nội vụ quản lý theo quyết định số 01/HC ngày 10 tháng 01 năm 1992 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình; ngày 16 tháng 10 năm 1999 bị khởi tố điều tra về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, ngày 06 tháng 4 năm 2000 Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Thái Bình ra Quyết định đình chỉ điều tra bị can; bản án số 110/2006/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2006 Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày 30/8/2006 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS; năm 2007 bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố Thái Bình, thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2007 theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; năm 2010 bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố Thái Bình, thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2010 theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; năm 2012 bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố Thái Bình, thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2012, theo Quyết định số 1162/QĐ-CT ngày 24 tháng 5 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; bị bắt tạm giam từ ngày 11 tháng 10 năm 2017 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*: anh Trần Văn Nh, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 25, đường Đ, Tổ 15, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: bà Bùi Thị B, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số nhà 08, Ngõ 268, đường L, Tổ 60, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 10 năm 2017, Phạm Quốc T đi xe đạp từ nhà đến cửa hàng bán vật liệu xây dựng của anh Trần Văn Nh ở Số nhà 25, đường Đ, Tổ 15, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình gặp chị Phạm Thị L (vợ anh Nh) mua 04 tờ giấy ráp với giá 6.000 đồng. Mua xong, T quan sát thấy khu vực vỉa hè phía bên ngoài cửa hàng của anh Nh có bày bán một số thùng sơn nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T đạp xe về nhà cất giấy ráp rồi quay lại thấy bên trong cửa hàng chỉ có chị Phạm Thị L đang bế con, không để ý ra phía trước cửa, T tiến lại gần xách hai thùng sơn nhãn hiệu Shell Flintkote (loại sơn chống thấm, dung lượng 3,5 lít) để vào giỏ xe đạp, sau đó tiếp tục xách 01 thùng sơn nhãn hiệu Shell Flintkote (loại sơn chống thấm, dung lượng 18 lít) để lên giá đèo hàng phía sau xe đạp. Sau đó, T đi xe đạp chở ba thùng sơn vừa trộm cắp được đến nhà chị Đặng Thị Kim C, sinh năm 1982, ở Số nhà 28/3, Ngõ 25, Tổ 09, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (là chị

dâu T) gửi lại rồi đi về nhà. Cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình nhận được đơn trình báo của anh Trần Văn Nh về nội dung vụ việc. Khi cơ quan điều tra triệu tập Phạm Quốc T lên làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 51/KLĐG-CATP ngày 09 tháng 10 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình kết luận: tổng giá trị tài sản Phạm Quốc T trộm cắp của anh Trần Văn Nh là 2.600.000 đồng (trong đó 01 thùng sơn chống thấm màu đen nhãn hiệu Shell Flintkote 18 lít trị giá 1.600.000 đồng; 02 thùng sơn chống thấm màu đen nhãn hiệu Shell Flintkote 3,5 lít trị giá 1.000.000 đồng).

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Trần Văn Nh toàn bộ tài sản Phạm Quốc T đã trộm cắp của anh và trả lại bà Bùi Thị B (mẹ đẻ T) 01 xe đạp mini nữ màu xanh khung xe có chữ Bridgestone đã qua sử dụng.

Cáo trạng số 01/KSĐT ngày 19 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử Phạm Quốc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Phạm Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Quốc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Quốc T mức án tù 09 tháng tù đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 11 tháng 10 năm 2017.

3. Trách nhiệm dân sự: không đặt ra giải quyết.

4. Bị cáo Phạm Quốc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Quốc T đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B trình bày: Đối với chiếc xe đạp mini cơ quan điều tra quản lý của Phạm Quốc T là tài sản của bà, bà không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản, ngày 08/11/2017 bà đã nhận lại chiếc xe trên, nay bà không có ý kiến đề nghị gì.

Bị cáo Phạm Quốc T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 08 tháng 10 năm 2017, tại cửa hàng bán vật liệu xây dựng của gia đình anh Trần Văn Nh ở Số nhà 25, đường Đ, Tổ 15, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Phạm Quốc T đã có hành vi trộm cắp 01 thùng sơn nhãn hiệu Shell Flintkote 18 lít và 02 thùng sơn nhãn hiệu Shell Flintkote 3,5 lít. Tổng giá trị tài sản Phạm Quốc T đã chiếm đoạt là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng chẵn).

Hành vi của Phạm Quốc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, bị cáo thực hiện tội phạm giữa ban ngày, nơi đông người qua lại thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây tâm lý lo lắng cho các chủ tài sản trong việc trông coi quản lý tài sản của mình. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ hiểu biết xã hội nhất định nhưng do ham chơi đua đòi, bị cáo đã mắc nghiện ma túy, đã 2 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, nhiều lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không tiếp thu sự giáo dục của pháp luật, không chịu lao động chân chính, muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu không chính đáng của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại anh Trần Văn Nh; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi của bị cáo Phạm Quốc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã*

bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Phạm Quốc T có một tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 2.600.000 đồng thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bố mẹ đẻ bị cáo đều được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cần lên một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe tội phạm nói chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với toàn bộ tài sản Phạm Quốc T đã chiếm đoạt của anh Trần Văn Nh, ngày 08 tháng 11 năm 2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại. Xét thấy việc trả tài sản của cơ quan điều tra là có căn cứ, đúng chủ sở hữu, anh Trần Văn Nh đã nhận lại tài sản và không có ý kiến đề nghị gì, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe đạp mini màu xanh nhãn hiệu Bridgestone quản lý của Phạm Quốc T là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị B (mẹ đẻ T) cho T mượn để đi lại, bà B không biết T sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ngày 08 tháng 11 năm 2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại bà B chiếc xe trên, bà B đã nhận lại xe và không có ý kiến đề nghị gì, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vấn đề khác:

Toàn bộ tài sản sau khi trộm cắp được, Phạm Quốc T đã mang đến gửi lại tại nhà chị Đặng Thị Thu C (chị dâu T). Quá trình điều tra xác định chị C không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có, cơ quan điều tra không có biện pháp xử lý đối với chị C là đúng pháp luật.

[8] Bị cáo Phạm Quốc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo Phạm Quốc T, bị hại anh Trần Văn Nh, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Bị cáo Phạm Quốc T (tên gọi khác: K) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T (tên gọi khác: K) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 10 năm 2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Xử chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quản lý và trả lại bị hại anh Trần Văn Nh, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 25, đường Đ, Tổ 15, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình 01 thùng sơn màu đen nhãn hiệu Shell Flintkote dung lượng 18 lít và 02 thùng sơn màu đen nhãn hiệu Shell Flintkote dung lượng 3,5 lít.

4. Về xử lý vật chứng: Xử chấp nhận cơ quan điều tra đã quản lý và trả bà Bùi Thị B, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số nhà 08, Ngõ 268, đường L, Tổ 60, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình 01 xe đạp mini màu xanh nhãn hiệu Bridgestone (đã qua sử dụng).

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Quốc T (tên gọi khác: K) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Quốc T (tên gọi khác: K), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2018.

Bị hại anh Trần Văn Nh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Viện kiểm sát nhân dân TPTB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TB;
- Cơ quan điều tra Công an TPTB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPTB;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương